

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/02/2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Huệ.

2. Ông Nguyễn Hữu Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1988 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Ấp T Th M, xã R Ch, huyện Tân Phú, tỉnh Cà Mau.

* *Bị đơn:* Anh Đoàn Thanh Ph, sinh năm: 1990 (*Vắng mặt không lý do*)

Địa chỉ: Ấp 11 B, xã Đ H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Đoàn Thanh Ph chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi chung sống, anh chị về sinh sống tại ấp 11B, xã Đ H cho đến tháng 02/2020 thì anh chị ly thân cho đến nay.

Trong quá trình anh chị chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh Ph không hòa hợp nhau về suy nghĩ và tính cách, mỗi người đều có chí hướng riêng; anh Ph không quan tâm, không chia sẻ gì với

vợ con, không lo làm ăn; mỗi khi chị nói chuyện với anh Ph thì vợ chồng cự cãi, ngoài ra anh Ph còn đánh đập chị.

- *Về con chung*: Có 01 con chung cháu Đoàn Ph Th, sinh ngày 01/5/2011. Hiện nay, cháu Th đang chung sống cùng chị.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có tranh chấp.

Do xét thấy hôn nhân của anh chị không thể hàn gắn được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Thanh Ph.

- *Về quan hệ con chung*: Yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Th, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ph không có lời trình bày.*

* *Tại phiên tòa:*

- *Chị H*: Yêu cầu được ly hôn với anh Ph; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

- *Anh Ph*: Vắng mặt

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận anh chị H và anh Ph là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Thanh Ph là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị H khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh Ph đang cư trú và sinh sống tại ấp 11B, xã Đ H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Qua yêu cầu của các đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng anh Ph luôn vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của anh Ph không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh Ph.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Đoàn Thanh Ph chung sống từ năm 2010 nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại cơ quan có thẩm quyền (*UBND xã, phường, thị trấn nơi cả hai cư trú*) và cho đến khi chị H có đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn đối với anh Ph thì anh chị vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn như vậy là vi phạm theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặc dù anh chị chung sống trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn.

Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh Ph.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị H xác nhận, trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Đoàn Ph Th, sinh ngày 01/5/2011 và hiện nay cháu đang chung sống cùng chị H. Xét yêu cầu của chị H về việc được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, yêu cầu này của chị H phù hợp với nguyện vọng của cháu Th (*theo nội dung đơn xin trình bày nguyện vọng ngày 03/8/2020*) nên HĐXX chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H xác nhận không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn, trường hợp có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh Ph thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân)*: Chị H phải chịu số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Nguyễn Ngọc H và anh Đoàn Thanh Ph là vợ chồng.

2/ *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Đoàn Ph Th, sinh ngày 01/5/2011 cho chị H (*theo nguyện vọng của cháu Th*) trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng

và giáo dục (*hiện nay cháu Th đang chung sống cùng chị H*). Chị H không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Khi cần thiết, chị H có quyền yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Ph không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Anh Ph không trực tiếp nuôi con nhưng lạm dụng vào việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Ph.

3/ *Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân)*: Chị Nguyễn Ngọc H chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu 0006031 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị H đã nộp án phí xong.

4/ *Quyền kháng cáo*: Chị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ tuyên án (*ngày 18/02/2021*).

Anh Ph vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh